

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh,

Ông Đồng Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng ký kết hôn số 55 ngày 14 tháng 7 năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay; Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Đ chơi bời mắc nghiện ma túy, không chịu

nghe mọi người tham gia khuyên giải. Do tình cảm không còn, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ; chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B và anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một tháng thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, anh Đ mãi chơi không quan tâm đến chị B. Vậy, xác định yêu cầu xin ly hôn của chị B đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giải quyết cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ không có, không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị B khai không có, do chưa có lời khai của anh Trần Văn Đ nên không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Như vậy, ý kiến của bà Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Đ không có, không yêu cầu nên không xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị B khai không có, do chưa có lời khai của anh Trần Văn Đ nên không xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0008937 ngày 03 tháng 5 năm 2018. Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng